

Số: 14 /NQ-HĐND

An Phú, ngày 22 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Phê chuẩn việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 22/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện về việc Phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách huyện

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư Công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 22/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện về việc Phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách huyện;

Xét Tờ trình số 147/TTr-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 22/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện về việc Phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách huyện; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua nội dung về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 22/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện về việc Phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách huyện như sau:

1. Tổng nguồn vốn đầu tư năm 2022:

Tổng nguồn vốn đầu tư công năm 2022 là: **40.275** triệu đồng, trong đó :

+ Vốn đầu tư tập trung: 29.812 triệu đồng (bằng chỉ tiêu tỉnh giao).

+ Vốn thu tiền sử dụng đất: 10.463 triệu đồng (tăng 7.463 triệu đồng so với chỉ tiêu tình giao là 3.000 triệu đồng. Nguyên nhân tăng do nguồn thu tiền sử đất trên địa bàn huyện đến cuối năm đủ để cân đối theo kế hoạch).

2. Đề nghị điều chỉnh, bổ sung tổng số 33 danh mục công trình:

- Điều chỉnh cắt vốn 04 danh mục: Với tổng kế hoạch vốn là: 4.785 triệu đồng. Trong đó: Đường nông thôn ven bãi Phước Thọ 1.100 triệu đồng, Trường tiểu học và trung học cơ sở nội trú Khánh An 3.085 triệu đồng, Xây dựng văn phòng ấp An Thạnh 100 triệu đồng, Văn phòng ấp Phước Thọ 500 triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 14 danh mục: Với tổng kế hoạch vốn giảm là: 3.748 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng với tổng kế hoạch là: 8.698 triệu đồng. Trong đó: Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn 13 danh mục với tổng kế hoạch vốn tăng là: 8.152 triệu đồng, điều chỉnh tăng chi đo đạc, cấp GCN QSDĐ với kế hoạch vốn tăng là 546 triệu đồng.

- Điều chỉnh bổ sung kế hoạch vốn 02 danh mục: Với tổng kế hoạch vốn tăng là: 5.298 triệu đồng. Gồm danh mục Trường mẫu giáo Phước Hưng điểm phụ (Phước Hoà) và danh mục Tạo quỹ đất đầu tư xây dựng mở rộng trụ sở Công an huyện An Phú (giai đoạn 2).

3. Nguyên tắc bố trí vốn :

Bố trí vốn theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn;
- Đối ứng nguồn vốn ngân sách tỉnh, ngân sách trung ương (Các Chương trình MTQG, vốn ODA và vay ưu đãi);
- Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt;
- Dự án khởi công mới năm 2022 có đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định (có văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền).

3. Phương án phân bổ vốn năm 2022:

STT	Cơ cấu ngành - lĩnh vực đầu tư	Kế hoạch vốn bố trí (triệu đồng)	Cơ cấu phân bổ theo lĩnh vực thực hiện đầu tư (%)	Ghi chú
1	2	4	5	6
	TỔNG CỘNG	40.275		
A	Chi đo đạc, cấp giấy chứng nhận QSDĐ	1.046		10% SDD
B	Chi đầu tư phát triển	39.229		
I	Thực hiện đầu tư	38.465	100,00	
1	Phúc lợi - Xã hội	9.751	25,35	
2	Giao thông	4.370	11,36	
3	Khoa học và công nghệ	1.000	2,60	
4	Giáo dục - Đào tạo - Dạy nghề	6.289	16,35	
5	Văn hóa - Thể thao	1.807	4,70	
6	Quản lý nhà nước - Đảng - Đoàn thể	2.763	7,18	
7	Quốc phòng - An ninh	12.485	32,46	
II	Công nợ sau quyết toán	764	1,99	

(Đính kèm biểu phụ lục phân bổ chi tiết)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện nội dung Nghị quyết này.

Giao Thường trực, các Ban HĐND và đại biểu HĐND huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện An Phú Khoá VII, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 21 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Kế hoạch - Đầu tư;
- Sở Giao thông - Vận tải;
- Thường trực Huyện ủy;
- UBND, UBMTTQVN huyện;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan ban, ngành, đoàn thể huyện;
- VP.Huyện ủy, HĐND-UBND huyện;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



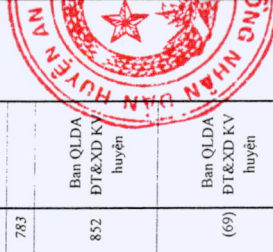
Ngô Công Thước

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN

(Đính kèm Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện An Phú)

Đơn: Triệu đồng

STT	Đanh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách huyện			Kế hoạch vốn năm 2022 theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 22/12/2022 của HĐND huyện			Giải ngân công nợ đầu tư năm 2022 đến ngày 31/11/2022	Dự kiến khởi công ngày 31/12/2022	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn cuối năm 2022			Tăng, giảm (%)	Chủ đầu tư
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Đầu tư tập trung			Thu TSDD	Tổng số	Đầu tư tập trung	Thu TSDD	Tổng số	Đầu tư tập trung			Thu TSDD				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21			
TỔNG CỘNG																							
A	CHI BỐ ĐẶC, CẤP GCN QSDD:					391,839	13,398	101,495	71,277	30,218	34,812	29,812	5,000	24,589	40,670	40,275	29,812	10,463	5,463				
B	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN:					2,500		2,500			500	500		496	496	1,046	1,046		546				
I	Thực hiện đầu tư					389,339	13,398	98,995	71,277	27,718	34,312	29,812	4,500	24,093	40,174	39,229	29,812	9,417	4,917				
1. Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12 năm 2021																							
2. Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022																							
3. Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022																							
4. Các dự án khởi công mới năm 2022																							
I	Phục lợi - xã hội					26,647	9,148	17,238	11,386	5,852	9,015	7,560	1,455	8,899	9,751	9,751	7,444	2,307	736				
1. Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12 năm 2021																							
2. Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022																							
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng và trung tâm thương mại Long Bình	TT Long Bình	1500m2	2020-2022	2188/QĐ-UBND 18/10/19; 929/QĐ-UBND ngày 04/6/2020	25,747	9,148	16,365	10,533	5,852	8,115	6,660	1,455	8,046	8,898	8,898	6,591	2,307	783				
3. Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022																							
4. Các dự án khởi công mới năm 2022																							
2	Xử lý nước thải sinh hoạt khu dân cư xã Phước Hưng	Phước Hưng		2021-2022	2517/QĐ-UBND 28/9/2020; 1000/QĐ-UBND 12/5/2021	747		723			323	323		7,792	8,644	8,644	6,337	2,307	852		Ban QLDA DT&XD KV huyện		
HR: 250m; lối đi: 320m; 2 bậc thang hai bên nhà bia																							
1	Sửa chữa hàng rào, làm lối đi chính và bắc thang nhà bia liệt sĩ huyện An Phú	TT. An Phú		2022	2275/QĐ-UBND 19/10/2021	900		853	853		900	900		853	853	853	853		(47)			Ban QLDA DT&XD KV huyện	
2	Giao thông					20,271		12,350			4,100	4,100		2,163	4,425	4,370	4,370		270			Ban QLDA DT&XD KV huyện	
1. Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12 năm 2021																							
2. Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022																							
+	Đường nông-thôn ven biển Phước-Tho	Đa-Phước	805m	2021-2022	2466/QĐ-UBND 18/9/2020	2,900		1,100	1,100		1,100	1,100							(1,100)			Ban QLDA DT&XD KV huyện	



STT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chi		Quyết định đầu tư		Lấy kế toán đến cuối năm 2021	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách huyện			Kế hoạch vốn năm 2022 theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 22/12/2022 của HĐND huyện			Giải ngân đầu tư công năm 2022 đến ngày 31/11/2022	Dự kiến hoàn thành đến ngày 31/12/2022	Điền chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn cuối năm 2022			Tăng, giảm ()	Chức danh				
					Số quyết định, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Số quyết định, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Đầu tư tập trung	Thu TSDĐ	Tổng số	Đầu tư tập trung	Thu TSDĐ			Tổng số	Đầu tư tập trung	Thu TSDĐ						
3	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022					-	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
4	Các dự án khởi công mới năm 2022					17.371	0	50.546	-	11.250	11.250	-	3.000	3.000	-	2.163	4.425	4.370	4.370	-	-	-	-	1.370		
1	Cầu Hiệp Lợi	Phù Hòa	79,15m	2022-2024	2493/QĐ-UBND	10.603	679/QĐ-SGTVT	10.574	-	4.812	4.812	-	1.000	1.000	-	923	3.130	3.130	3.130	-	-	-	-	2.130	Ban QLDA DT&XD KV huyện	
2	Cầu An Phú - Vĩnh Trường	TT. An Phú - Vĩnh Trường	160m	2021-2023	2474/QĐ-UBND ngày 30/11/2022, 639/QĐ-UBND ngày 24/9/2022	678/QĐ-UBND	03/6/2022	39.972	-	6.438	6.438	-	2.000	2.000	-	1.240	1.295	1.240	1.240	-	-	-	-	(760)	Ban QLDA DT&XD KV huyện	
3	Khoan học công nghệ					3.200		3.046	1.200	3.046	3.046	-	1.000	1.000	-	1.000	1.660	1.000	1.000	-	-	-	-	-		
1	Hệ thống truyền hình hội nghị trực tuyến	TT. AP	16 điểm cầu	2021-2023	2588/QĐ-UBND	3.200	274/QĐ-UBND	3.046	1.200	3.046	3.046	-	1.000	1.000	-	1.000	1.660	1.000	1.000	-	-	-	-	-	Van phòng HDND và UBND huyện	
4	Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					294.964		288.458	2.200	42.516	25.814	16.702	6.565	3.520	3.045	2.944	6.489	6.289	4.356	1.963	-	-	-	(276)		
3	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022					98.591	0	98.132	2.200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
2	Các dự án khởi công mới năm 2022																									
1	Trường mẫu giáo Phước Hưng điểm chính (Phước Khánh)	Phước Hưng	XD mới: Khối 6 p.học, 1 GDTG, 1 GONT, 1 nhà bếp, 1p H.Trong, 1p PHT, 1VP, HCQT, 1p Nền, 1p Y tế, 1 nhà BV, 1p GV, 17 N.HS, 2 sĩ GV, CTNS, HTKT, Trang thiết bị, DT 3023m2	2021-2023	2184/QĐ-UBND ngày 22/9/2021	30.409	2731/QĐ-UBND	30.409	600	2.700	1.480	1.220	400	400	-	400	880	880	880	880	-	-	-	-	480	Ban QLDA DT&XD KV huyện
2	Trường mẫu giáo Phước Hưng điểm phụ (Phước Hoà)	Phước Hưng	XD mới: 02p.học, 1p.HS 6 sĩ, 1p.GV, 1p.GV, CTNS, HTKT, Thiết bị, DT 1227m2	2021-2023	2219/QĐ-UBND ngày 27/9/2021	4.784	455/QĐ-SXD	4.325	300	300	580	-	-	-	-	400	400	200	200	-	-	-	-	200	Ban QLDA DT&XD KV huyện	
3	Trường mẫu giáo Phước Hưng điểm phụ (Phước Thành)	Phước Hưng	XD mới: 02p.học, 1p.HS 6 sĩ, 1p.GV, 1p.GV, CTNS, HTKT, Thiết bị, DT 1227m2	2021-2023	1868/QĐ-UBND ngày 02/8/2021	5.156	454/QĐ-SXD	5.156	300	920	480	440	180	180	-	180	520	520	180	180	-	-	-	-	340	Ban QLDA DT&XD KV huyện



STT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định đầu tư		Lấy lệ vốn đã bố trí đến cuối năm 2021	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách huyện				Kế hoạch vốn năm 2022 theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 22/12/2022 của HĐND huyện				Giả ngân Kế hoạch đầu tư công năm 2022 đến ngày 31/11/2022	Dự kiến khởi công hoàn thành đến ngày 31/12/2022	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn cuối năm 2022			Tổng, giảm ()	Chủ đầu tư
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Đầu tư tập trung	Thu TSDĐ	Trong đó	Tổng số	Đầu tư tập trung	Thu TSDĐ	Trong đó			Tổng số	Đầu tư tập trung	Thu TSDĐ		
4	Trường tiểu học Phước Hưng điểm phụ (Phước Hoà)	Phước Hưng	XD mới: 8 p học, khối phụ trợ CT nước sạch, HTKT, Cài tạo NVS; TB	2021-2023	2183/QĐ-UBND ngày 22/9/2021	14,487	457/QĐ-SXD, ngày 12/11/2021	14,487	400	1,290	400	890	600	711	711	711	711	711	111	Ban QLDA ĐT&XD KV huyện				
5	Trường tiểu học Phước Hưng điểm chính (Phước Thành)	Phước Hưng	Khởi HCQT, khởi p, khởi hồ trợ học tập, khởi phụ trợ, CT nước sạch, HTKT, Cài tạo NVS; TB	2021-2023	2442/QĐ-UBND ngày 25/10/2021	31,579	2730/QĐ-UBND 17/11/2021	31,579	400	3,240	1,200	2,040	400	965	965	965	965	165	565	Ban QLDA ĐT&XD KV huyện				
6	Trường tiểu học Phước Hưng điểm phụ (Phước Thành)	Phước Hưng	XD 04ph, khởi phụ trợ, CT nước sạch, HTKT, Cài tạo NVS; TB	2021-2023	2651/QĐ-UBND ngày 10/11/2021	12,176	456/QĐ-SXD 12/11/2021	12,176	200	1,120	800	320	400	780	780	780	780	380	380	Ban QLDA ĐT&XD KV huyện				
<p>4. Các dự án khởi công mới năm 2022</p> <p>(Các công trình xã nông thôn mới (huyện đối ứng):</p>																								
1	Trường THCS Phước Hưng	Phước Hưng	XD 12ph, khởi HCQT, khởi học tập, khởi phòng hồ trợ học tập, khởi phụ trợ, CT nước sạch, HTKT, Cài tạo NVS; TB	2023-2026	NO 04/NQ-HĐND, 14/4/2022	52,313	2571/QĐ-UBND, 19/10/2022	52,313	-	4,300	1,840	2,460	500	367	367	367	367	(133)	367	Ban QLDA ĐT&XD KV huyện				
2	Trường tiểu học D Phú Hữu (điểm chính)	Phú Hữu	XD 14ph, CT phụ trợ, HTKT, TB; Cài tạo 09ph hành các phòng chức năng, DT 3621m ²	2022-2024	394/QĐ-UBND, 04/3/2022	17,908	1870/QĐ-UBND, 26/7/2022	18,238	-	3,228	894	2,334	500	646	646	646	646	146	146	Ban QLDA ĐT&XD KV huyện				
3	Trường tiểu học và trung học cơ sở mới tru Khánh An	Khánh An	DT Khu đất xã 14,101m ²	2022-2025	NO 15/HĐND, 15/8/2022	79,370	NO 15/HĐND, 15/8/2022	79,370	-	20,638	16,640	3,998	3,085	1,640	1,445	1,445	1,445	(3,085)	(3,085)	Ban QLDA ĐT&XD KV huyện				
4	Trường tiểu học A Khánh An	Khánh An	XD 20ph, khởi phòng chức năng, NVS, nhà xe B', lis, công trình nước sạch, công HR, HTKT, TB; DT 7026m ²	2022-2025	3004/QĐ-UBND, 16/12/2021	46,782	713/QĐ-UBND, 13/4/2022	40,405	-	4,500	1,500	3,000	500	1,220	1,220	1,220	1,220	720	720	Ban QLDA ĐT&XD KV huyện				
5	Vườn hóa - Thể thao					14,019		14,809	-	3,181	3,181	-	2,505	1,807	1,807	1,807	1,807	(698)	(698)					
<p>1. Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12 năm 2021</p> <p>2. Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022</p> <p>3. Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</p> <p>4. Các dự án khởi công mới năm 2022</p>																								
						14,019		14,809	-	3,181	3,181	-	2,505	1,807	1,807	1,807	1,807	(698)	(698)					

STT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian K-C - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định đầu tư		Lấy kế toán đã báo cáo năm cuối năm 2021	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách huyện				Kế hoạch vốn năm 2022 theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 22/12/2022 của HĐND huyện				Giải ngân công nợ đầu tư 2022 đến 31/1/2022	Dự kiến hoàn thành đến ngày 31/12/2022	Điều chỉnh bổ sung kế hoạch vốn cuối năm 2022		Tăng giảm (l)	Chưa đầu tư	
					Số quyết định, nghị, thông, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Số quyết định, nghị, thông, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Đầu tư tập trung	Thu TSD	Tổng số	Đầu tư tập trung	Thu TSD	Tổng số	Đầu tư tập trung			Thu TSD				
1	Nâng cấp, sửa chữa trang thiết bị đại trà trên thành cơ sở năm 2022	T toàn huyện	DT 2950m2; Xây mới Hội trường văn hóa dã năng, các phòng chức năng, sân bóng đá mini, sân sinh hoạt cộng đồng, phòng y sinh, HTKT	2022	2506/QĐ-UBND; 24/9/2020	200	2427/QĐ-UBND; 22/11/2021	200	-	181	181	181	200	200	200	181	181	181	181	181	181	181	(19)	Ban QLDA DT&XD KV huyện
2	Trong Tâm văn hóa - thể thao xã Phước Hưng	Phước Hưng	2198/QĐ-UBND; ngày 23/9/2021	2021-2023	5.267	503/QĐ-SXD; ngày 15/11/2021	5.267	1.028	1.028	1.503	1.503	1.503	999	1.028	1.028	1.028	1.028	1.028	1.028	1.028	1.028	(475)	Ban QLDA DT&XD KV huyện	
3	Cải tạo Chùa Phước Trường	Vinh Trường	Phục dựng đình địa 23km2; Phục dựng nhà Khe 90m2	2022-2023	5.037	1233/QĐ-SXD; ngày 11/02/2022	5.439	1.170	1.170	500	500	500	120	346	346	346	346	346	346	346	346	(154)	Ban QLDA DT&XD KV huyện	
4	Cải tạo Đình Vĩnh Thành	Vinh Trường	Cải tạo Khe chính địa 278m2; nhà Khe 197m2; 2 Midea 2.2m2/mức	2022-2023	3.515	1765/QĐ-SXD; ngày 13/12/2022	3.903	802	802	302	302	302	88	252	252	252	252	252	252	252	252	(50)	Ban QLDA DT&XD KV huyện	
6	Quản lý nhà nước				13.891		13.891	850	4.409	4.482	4.482	4.482	2.087	2.793	2.793	2.793	2.714	49				(1.719)		
	1. Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12 năm 2021				950		950	850	950	100	100	100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(100)		
	2. Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				950		950	850	950	100	100	100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(100)		
	XĐ-Văn phòng ấp An Thành	T.T. An Thành	72.65m2	2021-2022	2389/QĐ-UBND; 05/10/2020	950	2682/QĐ-UBND; 18/10/2020	950	850	950	950	950	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	(100)	Ban QLDA DT&XD KV huyện
	3. Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022																							
	1. Các dự án khởi công mới năm 2022					12.941				3.459	3.410	49	4.382	4.382	-	2.087	2.793	2.763	2.714	49		(1.619)		
1	Cải tạo Văn phòng ấp Phú Nghĩa	Phú Hội	40 m2	2022	2284/QĐ-UBND; 22/10/2021	200	2469/QĐ-UBND; 30/11/2021	200	166	166	166	200	200	166	166	166	166	166	166	166	166	166	(34)	Ban QLDA DT&XD KV huyện
2	Văn phòng ấp Phước Thọ	Đa Phước		2022	2151/QĐ-UBND; 01/10/2021	500		500	500	500	500	500	500	500	500	500	500	500	500	500	500	500	(500)	Ban QLDA DT&XD KV huyện
3	Xây dựng Văn phòng ấp Phước Hòa	Phước Hưng		2022	2152/QĐ-UBND; 01/10/2021	500	2369/QĐ-UBND; 10/11/2021	500	472	472	472	500	500	472	472	472	472	472	472	472	472	472	(28)	Ban QLDA DT&XD KV huyện
4	Nâng cấp, cải tạo trụ sở UBND xã Phước Hưng	Phước Hưng	DT 1694m2; Xây mới Khe dâng nước, Khe dâng nước, Ban thông tin; SIMB, sân chơi; Cải tạo, Bàn Ủy ban, Khe mới của công, HK	2021-2023	1679/QĐ-UBND; 21/7/21	5.387	438/QĐ-SXD; ngày 12/11/2021	5.387	813	813	-	1.539	1.539	710	710	710	710	710	710	710	710	710	(829)	Ban QLDA DT&XD KV huyện

STT	Đanh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bỏ tri đến cuối năm 2021	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách huyện				Kế hoạch vốn năm 2022 theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 22/12/2022 của HĐND huyện				Giải ngân Kế hoạch đầu tư công năm 2022 đến ngày 31/11/2022	Dự kiến khởi công hoàn thành đến ngày 31/12/2022	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn cuối năm 2022		Tăng, giảm ()	Chủ đầu tư	
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Đầu tư tập trung	Thu TSDD	Tổng số	Đầu tư tập trung	Thu TSDD	Tổng số	Đầu tư tập trung			Thu TSDD				
5	Nâng cấp, cải tạo trụ sở UBND xã Vĩnh Trường	Vĩnh Trường	DT 4520m ² . Xây mới nhà xe, HIKT, cào tạo khối Uý ban, khối dân văn, văn phòng một căn, hàng rào hiện trạng	2021-2023	1771/QĐ-UBND, 29/7/21	5,154	459/QĐ-SXD, ngày 12/11/2021	5,154	-	703	703	-	1,443	1,443	539	640	610	610	610	610	610	610	(833)	Ban QLDA DT&XD KV huyện
6	Cải tạo, sửa chữa 6 văn phòng áp xã Phú Hữu	Phú Hữu		2022-2025	2185/QĐ-UBND, 05/10/2021	1,200	2406/QĐ-UBND, 16/11/2021	1,200	-	805	756	49	200	200	200	805	756	49	805	756	49	605	605	Ban QLDA DT&XD KV huyện
7	Quốc phòng - An ninh 1. Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12 năm 2021 2. Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022 3. Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022 4. Các dự án khởi công mới năm 2022					16,347		24,395	-	14,755	9,640	5,115	6,345	6,345	5,390	12,485	7,387	5,098	12,485	7,387	5,098	6,140	-	
1	Xây dựng nhà kho + CSHT Ban chỉ huy quân sự huyện An Phú	TT. An Phú		2021-2025	1999/QĐ-UBND, 09/9/2021	1,218	2281/QĐ-UBND, 22/10/2021	1,218	15,462	1,098	1,098	-	1,218	1,218	1,093	1,098	1,098	1,098	1,098	1,098	1,098	1,098	(120)	Ban QLDA DT&XD KV huyện
2	Xây dựng đường dẫn, công hàng rào Ban chỉ huy quân sự xã Phước Hưng	Phước Hưng		2021-2025	2000/QĐ-UBND, 09/9/2021	1,100	2282/QĐ-UBND, 22/10/2021	1,100	-	903	903	-	1,100	1,100	896	903	903	903	903	903	903	(197)	Ban QLDA DT&XD KV huyện	
3	Nâng cấp, cải tạo Trụ sở Công an xã Khánh An	Khánh An		2022-2024	2096/QĐ-UBND, 24/9/2021	3,421	2415/QĐ-UBND, 19/11/2021	3,421	-	3,399	3,399	-	2,000	2,000	1,374	2,459	2,459	2,459	2,459	2,459	2,459	459	459	Ban QLDA DT&XD KV huyện
4	Nâng cấp, cải tạo Trụ sở Công an xã Phú Hội	Phú Hội		2022-2024	2097/QĐ-UBND, 24/9/2021	4,608	2416/QĐ-UBND, 19/11/2021	4,608	-	4,240	4,240	-	2,027	2,027	2,027	2,927	2,927	2,927	2,927	2,927	2,927	900	900	Ban QLDA DT&XD KV huyện
4	Tạo quỹ đất đầu tư xây dựng mở rộng trụ sở Công an huyện An Phú (giai đoạn 2)	TT. An Phú	11000m ²	2021-2022	1674/QĐ-UBND, 21/7/2021	6,000		5,115	-	5,115		5,115		-	5,098	5,098	5,098	5,098	5,098	5,098	5,098	5,098	5,098	Ban QLDA DT&XD KV huyện
II	Công nợ sau quyết toán							1,500		1,500			300	300	222	764	764	764	764	764	764	464	464	Các Chủ đầu tư